

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/KDTM-ST
Ngày: 16 – 01 – 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thiện.

Bà Nguyễn Thị Túy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 –
Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST-KDTM
ngày 04 tháng 12 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2025; Quyết
định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-KDTM ngày 12/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh; địa chỉ:
Số 101, Đường số 6A, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH CBM & Công
sự; địa chỉ: A18 Dự án Simcity, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông H
K M Ch đại diện (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M; địa chỉ: Số 5/215,
Tổ 4A, Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện
theo pháp luật: Bà Phan Thị Quỳnh Hoa. Có mặt.

3. Người làm chứng: Ông H M G, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 41, đường Nguyễn
Thị Trên, phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H K M Ch trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2023, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M có quan hệ mua bán máy móc công nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất nội thất, ghế da, sofa. Việc giao dịch, thỏa thuận các bên thực hiện bằng điện thoại và tin nhắn Zalo. Ngày 29/5/2023, hai bên tiếp tục thỏa thuận mua bán 03 máy may công nghiệp, tổng giá trị 184.612.340 đồng, hình thức thanh toán: Chuyển khoản, thanh toán 100% trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng. Ngày 03/6/2023, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh đã giao đầy đủ 03 máy theo đúng chủng loại, số lượng, giá trị đã thỏa thuận; thực hiện lắp đặt, hướng dẫn vận hành. Việc giao hàng được thực hiện tại địa chỉ: Vĩnh Phú 33, phường Vĩnh Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, thể hiện bằng Phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023, có đầy đủ chữ ký xác nhận của bên giao và bên nhận; đồng thời Công ty H Kh đã xuất Hóa đơn GTGT số 00000020, ký hiệu IC23THK, đúng quy định pháp luật. Như vậy, nguyên đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận.

Mặc dù đã nhận đủ hàng và đưa máy móc vào sản xuất, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo cam kết. Tính đến ngày 09/02/2024, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M mới chỉ thanh toán 48.500.000 đồng, còn nợ 136.112.340 đồng tiền nợ gốc.

Trong quá trình thực hiện quyền yêu cầu thanh toán, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh đã 04 lần gửi văn bản đề nghị thanh toán và đốc thúc bằng tin nhắn Zalo, nhưng Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M không hợp tác, né tránh nghĩa vụ, không đưa ra phương án thanh toán cụ thể.

Việc chậm thanh toán kéo dài đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty H Kh, bao gồm: Chiếm dụng vốn, phát sinh chi phí tài chính và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh tính đến ngày 17/12/2025 gồm: Nợ gốc: 136.112.340 đồng; phạt vi phạm hợp đồng: 14.768.984 đồng; lãi chậm trả tạm tính: 33.662.575 đồng; bồi thường thiệt hại: 50.000.000 đồng. Tổng cộng: 234.543.863 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền bao gồm: Nợ gốc Nợ gốc: 136.112.340 đồng; lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026) là 38.416.975 đồng. Tổng cộng: 174.529.315 đồng. Riêng tiền phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại nguyên đơn thay đổi không yêu cầu bị đơn phải thanh toán.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng; giấy ủy quyền; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; vận đơn, EMS; 04 đề nghị thanh toán; Bảng kê giao nhận hóa đơn giá trị gia tăng; văn bản tin nhắn gmail; phiếu xuất kho, bảo hành; văn bản tin nhắn qua zalo; vi bằng.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là 03 máy may cụ thể Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh giao cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M 03 máy may, cụ thể:

Máy may 2 kim bước động bộ Ô Lớn, Chỉ to, thân dài (khu vực may 360x105cm-Cự li 1/2”) Jakata (chuyên may da sofa); nhãn hiệu: JAKATA; đơn giá: 48.500.000 đồng.

Máy may 2 kim trụ Jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 3/8”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA; đơn giá: 62.260.000 đồng.

Máy may 2 kim trụ jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 1/2”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA: đơn giá: 62.260.000 đồng.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 48.500.000 đồng và hiện nay bị đơn đang sử dụng máy may 2 kim trụ jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 1/2”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA. Riêng 02 máy may còn lại bị đơn không sử dụng được nên bị đơn có gọi điện thoại yêu cầu nguyên đơn mang 02 máy không sử dụng được về, nhưng nguyên đơn nói cứ sử dụng đi và không mang về thì bị đơn có nói không sử dụng được và yêu cầu nguyên đơn mang về, nhưng nguyên đơn không trả lời. Khi giao hàng là hàng cũ hay mới 100% hay không thì không rõ. Khi thỏa thuận giao hàng bị đơn cũng chỉ yêu cầu nguyên đơn có máy thì giao cho bị đơn, bị đơn may được thì bị đơn mua. Thời gian giao hàng và thời gian bên phía bị đơn yêu cầu nguyên đơn nhận hàng về là khoảng mấy tháng sau do bị đơn chưa kiểm tra kịp. Riêng máy may 2 kim trụ Jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 1/2”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA bị đơn sử dụng ngay sau khi nguyên đơn giao hàng, còn 02 cái máy may còn lại bị đơn không sử dụng và hiện nay vẫn để nguyên hiện trạng.

Do 02 bên có quan hệ làm ăn giao dịch bằng điện thoại nên bị đơn nhắn tin qua lại yêu cầu nguyên đơn đến nhận hàng về, còn có gửi văn bản trực tiếp cho nguyên đơn, nhưng không gặp nguyên đơn.

Bị đơn xác định 02 bên làm ăn không có ký hợp đồng. Sau khi giao hàng nguyên đơn có gửi qua điện thoại cho bị đơn hóa đơn giá trị gia tăng, nhưng do 02 bên không thống nhất được nên có nhắn tin qua lại, trong đó có nội dung xuất hóa đơn.

Tại bản ý kiến ngày 31/12/2025, ngày 05/01/2026, ngày 07/01/2026 bà Ph Th Q H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ The Maker có quan hệ đối tác trong lĩnh vực cung cấp thiết bị may mặc. Các giao dịch trước đây (đối với các máy giá trị nhỏ) luôn được bị đơn thanh toán đầy đủ.

Ngày 29/5/2023, đại diện Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M (ông Phan Chí Cường) trao đổi với đại diện của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh về nhu cầu tìm giải pháp kỹ thuật để may hàng sofa da bò. Tuy nhiên, thay vì

tư vấn kỹ thuật hoặc gửi báo giá để chốt đơn hàng, nguyên đơn đã đơn phương và tự ý vận chuyển 03 máy may công nghiệp đến nhà xưởng của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M vào ngày 03/6/2023.

Ngay tại thời điểm giao hàng, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã thể hiện sự bất ngờ và phản đối qua tin nhắn zalo, khẳng định việc giao 03 máy “không nằm trong kế hoạch”. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho nguyên đơn không phải chờ hàng về ngay, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã đồng ý cho lưu kho để chạy thử khả năng may trên chất liệu da bò. Sau khi chạy thử, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M xác định chỉ có 01 máy (Model PLC-1760L-1/2) đáp ứng được yêu cầu, 02 máy may còn lại rồi chỉ và bước chỉ không phù hợp với mặt hàng Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M sản xuất. Bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn thu hồi 02 máy này nhưng nguyên đơn im lặng và không thực hiện.

Để giải quyết dứt điểm, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã thanh toán hoàn tất số tiền 48.500.000 đồng cho 01 máy sử dụng được vào ngày 09/02/2024. Đối với 02 máy còn lại do không có nhu cầu mua, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã từ chối thanh toán.

Như vậy, trong vụ án này, ông Phan Chí Cường chưa từng xác nhận đặt mua cùng lúc 03 máy. Tin nhắn zalo ngày 24/6/2023 “anh tự chuyển xuống 1 lúc 3 máy...ai mà ngợp nổi khi không nằm trong kế hoạch” là bằng chứng cho thấy không có sự đồng ý giữa hai bên đối với số lượng 03 máy. Căn cứ vào Điều 43 Luật thương mại, khi bên bán giao thừa thì bên mua có quyền từ chối. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã thực hiện quyền từ chối này ngay thời điểm đó. Do đó Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M không có nghĩa vụ thanh toán tiền giao hàng thừa này.

Đối với phiếu xuất kho – bảo lãnh ngày 03/6/2023 không phải là biên bản nghiệm thu nên nguyên đơn dựa vào chữ ký của ông Phan Chí Cường trên phiếu này để quy trách nhiệm thanh toán là không có cơ sở, bởi lẽ: Phiếu xuất kho là chứng cứ nội bộ kiểm soát hàng hóa ra khỏi kho của nguyên đơn; chữ ký của ông Cường chỉ có giá trị xác nhận tình trạng giao nhận vật lý (nhận giữ hộ) được đưa vào kho bảo quản và chạy thử; chữ ký này không thay thế cho “Biên bản nghiệm thu kỹ thuật” hay “xác nhận công nợ”. Trong giao dịch này máy công nghiệp, việc nghiệm thu phải được thực hiện sau khi vận hành thử đạt yêu cầu. Theo tập quán thương mại và quy trình kế toán, đối với thiết bị máy móc, việc nghiệm thu phải được xác lập bằng “biên bản nghiệm thu kỹ thuật” sau khi vận hành thử đạt yêu cầu, nhưng nguyên đơn không cung cấp được bất cứ văn bản nào chứng minh 02 máy tranh chấp đã vận hành đạt chuẩn; hóa đơn số 00000020 ngày 20/6/2023 mà không có biên bản nghiệm thu và không gửi bản nháp cho bị đơn đối chiếu là vi phạm nguyên tắc kế toán. Hóa đơn chỉ là chứng từ ghi nhận nghĩa vụ thuế với Nhà nước, không phải là bằng chứng chứng minh quan hệ hợp đồng nếu nội dung hóa đơn đó bị bên mua bác bỏ và hóa đơn thực tế không được chấp nhận. Việc nguyên đơn tự kê khai thuế là hành vi đơn phương, không làm phát sinh nghĩa vụ nợ của bị đơn.

Về chất lượng hàng hóa nguyên đơn đã vi phạm cơ bản của bên bán. Tại Điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Thương mại, hàng hóa không phù hợp nếu “không phù hợp với bất kỳ mục đích cụ thể nào mà bên mua đã cho bên bán biết” Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã thông báo rõ mục đích là mẫu sofa da bò. Thực tế chạy thử chứng

minh 2 máy (Model PLC-1760L-3/8 và LU-1560N-L14-1/2) có khoảng cách đường chỉ lớn, nên không phù hợp với ngành hàng sofa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 39 Luật thương mại, bên mua có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không phù hợp. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã thực hiện đúng quyền này bằng việc không đưa 02 máy vào sản xuất và yêu cầu trả hàng. Ngày 09/02/2024 bị đơn thanh toán 48.500.000 đồng, đây là giá trị 01 máy duy nhất (Model PLC-1760L-1/2) mà bị đơn chấp nhận mua. Hành động này thể hiện sự sòng phẳng, minh bạch mua cái nào trả tiền cái đó. Điều này mặc nhiên khẳng định bị đơn từ chối thanh toán 02 máy còn lại.

Căn cứ vào Điều 300 và Điều 301 Luật thương mại, phạt vi phạm chỉ được áp dụng khi có thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Trong vụ án này, do không có hợp đồng mua bán hợp pháp đối với 01 máy may và không có hành vi vi phạm hợp đồng của bị đơn nên bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm 8% và tiền lãi chậm thanh toán là hoàn toàn vô lý. Vì nhiều lần bị đơn yêu cầu nguyên đơn thu hồi máy, nhưng nguyên đơn cố tình lờ đi. Việc nguyên đơn để máy tại kho của bị đơn là lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn. Nguyên đơn không thể lợi dụng sự chây ỳ của mình để tính lãi suất ép bị đơn chi trả. Điều này vi phạm nguyên tắc thiện chí quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự; nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế và không có mối quan hệ nhân quả và mọi khó khăn về tài chính của nguyên đơn (nếu có) không xuất phát từ lỗi của bị đơn mà xuất phát từ chiến lược kinh doanh rủi ro của chính nguyên đơn (giao hàng chưa chốt đơn, không thu hồi tài sản kịp thời).

Nguyên đơn đã vi phạm nguyên tắc kế toán và xuất hóa đơn không vì với giao dịch giá trị lớn trên 180 triệu quy trình bắt buộc phải có hợp đồng; biên bản nghiệm thu và hóa đơn nháp để đối chiếu. Nguyên đơn đã bỏ qua tất cả các bước này, tự động xuất hóa đơn chính thức mà không thông báo. Hành vi này nhằm mục đích tạo lập chứng cứ giả tạo về nghĩa vụ nợ, đặt bị đơn vào “sự đã rồi”.

Nguyên đơn cố tình đợi đến đêm 28 tết âm lịch mới nhắn tin đòi nợ, lợi dụng tâm lý “ngày đông, ngại đòi nợ đầu năm” của doanh nghiệp Á Đông. Mặc dù thiếu chứng từ và không đồng ý mua 02 máy kia, nhưng để giữ hòa khí đêm giao thừa, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M đã chỉ đạo kế toán thanh toán dứt điểm tiền cho 01 máy (48.500.000 đồng). Đây là hành động thiện chí tốt cùng của bị đơn, tuyệt đối không phải là sự thừa nhận nợ cho 02 máy còn lại.

Nguyên đơn có hành vi trốn tránh khi bị đơn gửi thông báo không nghiệm thu hàng và yêu cầu làm việc, nhân viên giao nhận (Shipper) báo lại địa chỉ trên giấy phép kinh doanh của H Kh là địa chỉ ma, không có thực. Nguyên đơn cũng tắt máy, né tránh các cuộc gọi của bị đơn. Điều này giải thích vì sao bị đơn không thể gửi văn bản giấy tờ chính thức trong suốt thời gian qua.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M là doanh nghiệp sản xuất đang phát triển mạnh, làm việc với hơn 100 nhà cung cấp, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M luôn thanh toán sòng phẳng, minh bạch và tuân thủ quy trình, không có lý do gì một doanh nghiệp quy mô lớn lại đi chiếm dụng một khoản tiền nhỏ của nguyên đơn nếu đó là khoản nợ hợp lý. Việc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M từ chối thanh toán là vì không chấp nhận hành vi ép mua hàng.

Sau khi nhận khoản thanh toán 01 máy và biết bị đơn từ chối 02 máy kia, nguyên đơn đã im lặng suốt 03 năm không thu hồi máy, nay bất ngờ khởi kiện đòi lãi suất là hành vi trục lợi, thiếu đạo đức kinh doanh.

Tại phiên tòa bị đơn có ý kiến nếu nguyên đơn chịu hòa giải thì bị đơn chấp nhận trả toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày mở phiên tòa sơ thẩm (ngày 16/01/2026), nhưng yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Văn bản thể hiện tin nhắn qua zalo giữa nguyên đơn và bị đơn; văn bản hủy ủy quyền; giấy ủy quyền.

Người làm chứng: Ông H M G trình bày:

Ông là nhân viên kỹ thuật của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh nên ông biết rõ việc đại diện của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M là ông Phan Chí Cường đặt mua 03 máy may theo phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023. Việc ông Cường đặt mua 03 máy may và trao đổi giữa 02 bên được thể hiện bằng tin nhắn zalo và gọi điện thoại, không lập hợp đồng và cũng không có việc bị đơn từ chối nhận 03 máy may như bị đơn trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi.

Đối với thay đổi một phần khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh (sau đây gọi tắt là Công ty H Kh) khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M (sau đây gọi tắt là Công ty Th M); địa chỉ: Số 5/215, Tổ 4A, Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán tiền mua hàng hóa là máy may. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 điểm

a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

[2] Ngày 10/12/2025 Công ty Th M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phương và ông Phan Thế Si tham gia tố tụng. Ngày 12/01/2026 Công ty Th M hủy ủy quyền về việc tham gia tố tụng đối với bà Nguyễn Thị Phương và ông Phan Thế Si. Do đó, Tòa án không triệu tập bà Nguyễn Thị Phương và ông Phan Thế Si tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[3] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất xác định giữa Công ty H Kh và Công ty Th M có quan hệ đối tác trong lĩnh vực cung cấp thiết bị may mặc; giao dịch mua bán giữa 02 bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng; vào ngày 03/6/2023 ông Phan Chí Cường đại diện cho Công ty Th M đã ký vào phiếu xuất kho – bảo hành là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; cùng ngày 03/6/2023 Công ty H Kh giao cho Công ty Th M 03 máy may theo phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023; khi nhận hàng Công ty Th M không từ chối nhận. Đến năm 2025 Công ty Th M mới làm văn bản gửi Công ty H Kh yêu cầu nhận lại hàng, nhưng Sipper không giao được do không tìm được địa chỉ của Công ty H Kh; việc trao đổi về 03 máy may sau ngày 03/6/2023 nêu trên giữa Công ty H Kh và Công ty Th M được thể hiện trên các tin nhắn zalo và gửi gmail mà nguyên đơn, bị đơn đã giao nộp cho Tòa án; vào ngày 09/02/2024 Công ty Th M mới thanh toán cho Công ty H Kh số tiền 48.500.000 đồng. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

[4] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền phạt vi phạm hợp đồng: 14.768.984 đồng; bồi thường thiệt hại: 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi không yêu cầu bị đơn phải trả 02 khoản tiền này. Xét, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025).

[5] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua bán hàng hóa là 03 máy may nên vào ngày 03/6/2023, nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn 03 máy may theo phiếu xuất kho – bảo hành lập ngày 03/6/2023 thể hiện tổng giá trị của 03 máy may bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 184.612.340 đồng. Nhưng đến ngày 09/02/2024 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 48.500.000 đồng, số tiền còn lại 136.112.340 đồng nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán, nhưng bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn thừa nhận vào ngày 03/6/2023 nguyên đại diện của bị đơn là ông Phan Chí Cường có nhận của nguyên đơn 03 máy may. Tuy nhiên, thực tế bị đơn chỉ có nhu cầu sử dụng 01 máy, nhưng để tạo điều kiện cho nguyên đơn không phải chờ hàng về ngay bị đơn đã đồng ý cho lưu kho để chạy thử khả năng may trên chất liệu da bò. Sau khi chạy thử, bị đơn xác định chỉ có 01 máy (Model PLC-1760L-1/2) đáp ứng được yêu cầu, 02 máy may còn lại rồi chỉ và bước chỉ không phù hợp với mặt hàng Công ty Th M sản xuất. Bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn thu hồi 02 máy này nhưng nguyên đơn im lặng và không thực hiện; việc bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn tiền 01 máy trị giá 48.500.000 đồng

đã thể hiện việc bị đơn từ chối nhận 02 máy may còn lại; nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị trên 180 triệu, nhưng không ký hợp đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi không có biên bản nghiệm thu và không gửi bản nháp cho bị đơn đối chiếu là vi phạm nguyên tắc kế toán; chất lượng hàng hóa không phù hợp với nhu cầu sản xuất của bị đơn...Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ đối tác trong lĩnh vực cung cấp thiết bị may mặc; giao dịch mua bán giữa 02 bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Căn cứ vào Điều 24 Luật kinh doanh thương mại quy định về hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá “1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể...”. Pháp luật không bắt buộc giá trị của hóa đơn giá trị gia tăng có trị giá trên 180 triệu thì phải bắt buộc ký hợp đồng. Do đó, việc thỏa thuận hợp đồng mua bán hàng hóa bằng miệng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp, không bị pháp luật nghiêm cấm, không trái đạo đức xã hội.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp chứng cứ là phiếu thu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023 và hóa đơn giá trị gia tăng số 20 ngày 20/6/2023. Phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023 có nội dung thể hiện người nhận hàng là ông Phan Chí Cường đại diện Công ty Th M; mã số thuế: 0314596753; địa chỉ giao hàng Vĩnh Phú 33, phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; lý do xuất hàng: Xuất bán theo thỏa thuận đặt hàng ngày 29/5/2023 – chuyển khoản 100% trong vòng 07 ngày sau khi giao hàng – Bảo hành 12 tháng; hàng hóa giao là 03 máy may, cụ thể: Máy may 2 kim bước động bộ Ô Lớn, Chỉ to, thân dài (khu vực may 360x105cm- Cự li 1/2”) jakata (chuyên may da sofa); nhãn hiệu: JAKATA, Model: LU-1560N-L14-1/2, đơn giá: 48.500.000 đồng; máy may 2 kim trụ Jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 3/8”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA, Model: PLC-1760L-3/8, đơn giá: 62.260.000 đồng; máy may 2 kim trụ Jakata (trụ cao 150mm) Ô lớn, Chỉ to, chân vịt bước, lại mũi, nâng chân vịt hơi (cự li 1/2”) (chuyên may da sofa); nhãn hiệu JAKATA, Model: PLC-1760L-1/2, đơn giá: 62.260.000 đồng. Tổng cộng 173.020.000 đồng; chiết khấu 3% là 5.190.600 đồng; thuế GTGT 10%: 16.782.940 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 184.612.340 đồng. Như vậy, phiếu xuất kho – Bảo hành có rất nhiều nội dung trong đó có nội dung nêu lý do xuất kho theo đơn thỏa thuận đặt hàng ngày 29/5/2023. Nay bị đơn cho rằng nguyên đơn đã giao thừa hàng cho bị đơn, nhưng để tạo điều kiện cho nguyên đơn không phải chờ hàng về ngay bị đơn đã đồng ý cho lưu kho để chạy thử khả năng may trên chất liệu da bò, nhưng bị đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện tại thời điểm giao hàng bị đơn đã từ chối nhận số hàng mà bị đơn cho rằng nguyên đơn giao thừa và đồng ý cho lưu kho để chạy thử; chứng cứ bị đơn đưa ra là tin nhắn giữa ông Phan Chí Cường và nguyên đơn thể hiện vào ngày 24/6/2023 cũng không có nội dung thể hiện bị đơn từ chối nhận hàng mà ông Cường xin trả góp, mãi đến ngày 31/01/2024 (tức là 7 tháng 28 ngày kể từ ngày nhận hàng) nguyên đơn gửi tin nhắn zalo cho bà Ph Th Q H là người đại diện theo pháp luật của Công ty Th M yêu cầu thanh toán tiền theo hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất thì lúc này bà Hoa mới nhắn tin yêu cầu nguyên đơn thu hồi lại 02 máy.

Tại Điều 43 Luật kinh doanh thương mại quy định “Trường hợp bên bán giao hàng thừa thì bên mua có quyền từ chối hoặc chấp nhận số hàng thừa đó; trường hợp bên mua

chấp nhận số hàng thừa thì phải thanh toán theo giá thỏa thuận trong hợp đồng nếu các bên không có thỏa thuận khác”.

Đối chiếu quy định trên, đáng lẽ tại thời điểm nguyên đơn giao hàng nếu bị đơn cho rằng nguyên đơn đã giao thừa hàng hoặc không đảm bảo chất lượng thì bị đơn có quyền từ chối nhận hàng, nhưng bị đơn để thời gian kéo dài đến 07 tháng 28 ngày mới có tin nhắn yêu cầu nguyên đơn nhận hàng về là không phù hợp. Trình bày của bị đơn cho rằng ngoài tin nhắn bị đơn còn gửi văn bản cho nguyên đơn yêu cầu nhận hàng về qua việc gửi Shipper, nhưng không được do địa chỉ của nguyên đơn là địa chỉ ma. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, phía nguyên đơn khẳng định địa chỉ của nguyên đơn đến nay vẫn không thay đổi và bị đơn cũng thừa nhận việc gửi văn bản này diễn ra vào năm 2025.

Việc bị đơn nhận hàng vào ngày 03/6/2023 theo phiếu xuất kho – bảo hành đã thể hiện ý chí tự nguyện, không bị ép buộc, không có việc từ chối nhận hàng. Mặt khác, phiếu xuất kho – bảo hành đã ghi đầy đủ thông tin hàng hóa, lý do xuất hàng, số tiền phải thanh toán thì được đại diện bị đơn ký nhận, không có việc phản đối từ chối nhận hàng. Nay bị đơn cho rằng việc thanh toán số tiền 48.500.000 đồng đã thể hiện việc bị đơn từ chối nhận 02 máy may còn lại là không phù hợp, bởi lẽ việc thanh toán này cũng được thể hiện thanh toán vào ngày 09/02/2024 (tức là gần 08 tháng sau). Đối với trình bày của bị đơn cho rằng nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi không có biên bản nghiệm thu và không gửi bản nháp cho bị đơn đối chiếu là vi phạm nguyên tắc kế toán.

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ “1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này”.

Tại Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về thời điểm lập hóa đơn “1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền”.

Đối chiếu theo quy định trên thì Nghị định 123 không có quy định người bán hàng phải gửi hóa đơn nháp cho người mua hàng. Như vậy, ngày 03/6/2023 nguyên đơn đã chuyển giao cho bị đơn 03 máy may theo phiếu xuất kho – bảo hành thì việc bị đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng giao cho bị đơn là phù hợp, không trái luật. Do bị đơn đã nhận hàng của nguyên đơn thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn như đã thỏa thuận tại phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023, không có việc không ký hợp đồng thì không có căn cứ để xác định lỗi và trách nhiệm chậm thanh toán như bị đơn trình bày tại các văn bản nêu ý kiến ngày 31/12/2025, ngày 05/01/2026, ngày 07/01/2026.

Tại Điều 50 Luật kinh doanh thương mại quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Như vậy, tại phiếu xuất kho – bảo hành ngày 03/6/2023 đã thể hiện “Xuất kho theo thỏa thuận đặt hàng 29/5/2023 – chuyển khoản 100% trong vòng 07 ngày sau khi giao hàng...”. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán, nhưng bị đơn không thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là đã vi phạm thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 136.112.340 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Tại Điều 306 Bộ luật thương mại quy định “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”.

Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử Tòa án thu thập được ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam 8,5%/năm; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 9,0%/năm; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 12,5%/năm), tương đương với 0,83%/tháng. Như vậy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu 0,83%/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn theo từng hóa đơn; cụ thể:

Từ ngày 10/6/2023 đến ngày 09/02/2024 là $184.612.340 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 12.207.183 \text{ đồng}$.

Từ ngày 10/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026) là $136.112.340 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} 06 \text{ ngày} = 26.209.792 \text{ đồng}$.

[8] Như vậy, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh số tiền nợ gốc 136.112.340 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026) là 38.416.975 đồng. Tổng cộng 174.529.315 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025);

- Điều 24; Điều 43; Điều 50; Điều 55; Điều 87; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 280; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 4; Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh số tiền 174.529.315 đồng (trong đó nợ gốc 136.112.340 đồng; nợ lãi 38.416.975 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Th M phải chịu 8.726.466 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu H Kh số tiền 5.863.597 đồng đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045229 ngày 02/12/2025 và số 0045577 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 16 TP. HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV 16 TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Phạm Thị Bạch Tuyết

